

PHÂN TÍCH THÔNGIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG TRẢ LỜI BÁO CHÍ QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI HIỆN NAY

Lý Thị Hải Yến - Phạm Mai Linh***

Tóm tắt

Trong sự nghiệp hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi báo chí là vũ khí sắc bén để đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng cuộc sống mới ấm no cho nhân dân. Cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh không tách rời hoạt động báo chí. Hồ Chí Minh làm báo là làm cách mạng và để làm cách mạng. Xuất hiện trong hàng trăm cuộc phỏng vấn của các báo, đài, và hãng tin trên toàn thế giới, Hồ Chí Minh thể hiện một phong cách trả lời báo chí không chỉ của một lãnh tụ lớn, mà còn làm một nhà ngôn ngữ uyên bác trong sự giản dị nhất có thể. Dựa trên khảo sát hơn 130 bài trả lời phỏng vấn báo chí quốc tế của Hồ Chí Minh, bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn, cụ thể là dựa vào mô hình của lý thuyết Phân tích đánh giá, để phân tích các thông điệp và cách thức sử dụng ngôn ngữ của Hồ Chí Minh trong trả lời báo chí quốc tế. Bài nghiên cứu nêu bật những thông điệp xuyên suốt qua các bài phỏng vấn, cũng như nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Hồ Chí Minh, từ đó rút ra một số bài học tham khảo cho người làm công tác báo chí đối ngoại hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, diễn ngôn, thông điệp, phỏng vấn, báo chí quốc tế.

* TS., Trường Khoa Lý luận chính trị, Học viện Ngoại giao.

** CN., thực tập sinh Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại, Học viện Ngoại giao.

Mở đầu

Nghiên cứu và xuất bản về cuộc đời, sự nghiệp cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh đã có rất nhiều công trình ở cả trong và ngoài nước. Riêng trong lĩnh vực báo chí - truyền thông, các công trình nghiên cứu về báo chí Hồ Chí Minh lần lượt được xuất bản trong các năm vừa qua có thể kể đến những cuốn sách đã xuất bản của GS. Hà Minh Đức, *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí, xuất bản”* (2010); *“Báo chí Hồ Chí Minh - chuyên luận và tuyển chọn”* (2017), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật; *“Đối thoại Hồ Chí Minh - với nhân dân, ngoại giao và báo chí”* (2020), Nxb. Công an nhân dân; *“Bác Hồ - Người có nhiều duyên nợ với báo chí”* (2019), Nxb. Đại học Quốc gia - Hà Nội, của nhà báo, nhà văn lão thành Phan Quang. Đặc biệt là cuốn tuyển tập trên một trăm bài phỏng vấn *“Hồ Chí Minh trả lời các nhà báo”* (2015) do Vụ Báo chí - Bộ Ngoại giao tuyển chọn biên soạn, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Các công trình đã hệ thống hóa về cuộc đời và sự nghiệp báo chí Hồ Chí Minh. Bác đã để lại di sản trên 2000 bài viết với các thể loại và bút danh khác nhau. Trong đó, các bài phỏng vấn báo chí quốc tế có vị trí quan trọng. Thông qua kênh này, Hồ Chí Minh tuyên bố những vấn đề cốt lõi của cách mạng Việt Nam và rất nhiều chủ đề khác. Đây là một nguồn tài liệu gốc quý giá, mà từ đó chúng ta học hỏi được nhiều bài học sâu sắc từ tư tưởng và nghệ thuật báo chí Hồ Chí Minh.

Báo chí đối ngoại là một lĩnh vực đặc thù trong hoạt động báo chí chuyên nghiệp ở tầm quốc gia. Báo chí đối ngoại (và truyền thông đối ngoại) là kênh thông tin quan trọng thông tin mọi mặt về tình hình trong nước ra quốc tế, trong đó, việc thông tin và giải thích để cộng đồng quốc tế hiểu về quan điểm, lập trường, chính sách của chính phủ là công việc cần được thực hiện thường xuyên. Đối tượng của báo chí đối ngoại rất đa dạng như chính phủ, các giai tầng - giới và công chúng đến từ các nền văn hóa, ngôn ngữ, thể chế chính trị khác nhau. Vì vậy, trong báo chí,

việc diễn ngôn thế nào để được chấp nhận là một việc đòi hỏi nhiều công phu trong văn nói và viết, nhất là phát ngôn của các nhà lãnh đạo. “Cán bộ báo chí cũng là chiến sỹ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”, nhà báo cần “đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm”.¹ Với quốc tế, thì “đó là công việc để làm cho những ai chưa hiểu về ta thì hiểu ta, ai hiểu rồi thì yêu ta, ai ghét ta thì bớt ghét đi, còn ai đã ghét và không thể từ bỏ thì ít nhất là bớt hung hăng đi”² như Hồ Chí Minh căn dặn. Do đó, ngôn ngữ (nói, viết) trong báo chí đối ngoại đòi hỏi tính chuẩn mực, đúng đắn về chính trị, tính dễ hiểu, dễ nhớ và phù hợp về văn hóa với đối tượng tiếp nhận. Để thực hiện đúng yêu cầu ấy, đòi hỏi những người làm công tác báo chí đối ngoại (bao gồm các nhà báo chuyên nghiệp, nhà quản lý, nhà ngoại giao, người phát ngôn đối ngoại...) luôn cần nâng cao hiểu biết mọi mặt và thực hành báo chí chuyên nghiệp. Từ khía cạnh này, các tác phẩm báo chí Hồ Chí Minh là nguồn tài liệu tham khảo sâu sắc cho việc học hỏi của người làm công tác báo chí đối ngoại. Thực tế, trong nghiên cứu và giảng dạy, các chuyên đề về báo chí Hồ Chí Minh đã được đưa vào giảng dạy cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh ở các trường đào tạo về báo chí - ngoại giao trong nước. Tuy vậy, lại chưa có một công trình nghiên cứu nào phân tích tổng thể các bài trả lời phỏng vấn báo chí của Hồ Chí Minh. Bài viết này sẽ bổ sung vào khoảng trống nghiên cứu này để làm tư liệu nghiên cứu cho những ai quan tâm tới nghiên cứu lý thuyết cũng như thực hành báo chí theo phong cách Hồ Chí Minh.

¹ Đặng Thị Thu Hương, “Lời Bác Hồ truyền dạy cho người làm báo,” *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 21/6/2021, <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/chuyen-mon-cong-tac/loi-bac-ho-truyen-day-cho-nguoi-lam-bao-20939.html>.

² Thanh Sơn, “Thứ trưởng Đỗ Hùng Việt: Cần cách làm mới trong thông tin đối ngoại về quyền con người,” *Quân đội nhân dân*, 19/2/2024, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/tin-tuc/thu-truong-do-hung-viet-can-cach-lam-moi-trong-thong-tin-doi-ngoai-ve-quyen-con-nguoi-807816>.

Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn để phân tích các bài phỏng vấn theo cấu trúc phân tích từ khái quát đến cụ thể, nhằm làm rõ các thông điệp nổi bật và xuyên suốt trong các bài trả lời phỏng vấn báo chí quốc tế của Hồ Chí Minh.

Về mẫu nghiên cứu: Dữ liệu phân tích gồm 130 bài phỏng vấn của các nhà báo nước ngoài, được lựa chọn trong *Tuyển tập Hồ Chí Minh trả lời các nhà báo*, và bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Đây là các bài trả lời phỏng vấn từ thời kỳ Hồ Chí Minh còn đang hoạt động cách mạng ở nước ngoài cho đến năm 1969 khi Bác ra đi, tuy nhiên, phần nhiều trong đó là các bài Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn từ sau ngày 2/9/1945, trên cương vị là Chủ tịch nước.

Trong khi phân tích, tác giả nhóm các bài báo theo các chủ đề gồm ba nội dung thông điệp chủ đạo được đề cập đến nhiều nhất trong các phỏng vấn, cụ thể là: (i) *chủ đề về độc lập, tự chủ của quốc gia*; (ii) *chủ đề về tinh thần văn và tinh thần đoàn kết quốc tế*; (iii) *chủ đề về quan hệ bạn - thù, địch - ta* (chọn ba chủ đề trên dựa trên tần suất xuất hiện những thông điệp này trong các bài phỏng vấn). Ngoài ra, một số bài báo mẫu tiêu biểu từ mỗi chủ đề sẽ được phân tích chi tiết để bổ sung cho lập luận của người viết. Tuy vậy, vẫn còn có một số hạn chế do dung lượng bài viết nên tác giả chưa có điều kiện làm kỹ hơn, có thể bổ sung ở các nghiên cứu sau.

Về phân tích diễn ngôn: Phân tích diễn ngôn là một hướng nghiên cứu phổ biến khi phân tích đánh giá hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ trong các bối cảnh khác nhau. Phân tích diễn ngôn được nhiều ngành khoa học xã hội sử dụng, như trong phân tích diễn ngôn chính sách, phân tích diễn ngôn trên truyền thông, diễn ngôn và tâm lý xã hội. Mục đích của việc phân tích diễn ngôn là để hiểu mối liên hệ giữa cách hành ngôn của chủ thể (người nói, người viết, người tham gia thảo luận...) trong các

ngữ cảnh khác nhau và ảnh hưởng của diễn ngôn đó tới thực tế xã hội. Có nhiều mô hình, phương pháp khác nhau để phân tích diễn ngôn.

Trong bài báo này, tác giả áp dụng mô hình phân tích của lý thuyết đánh giá (appraisal theory) để phân tích văn bản các bài phỏng vấn. Về cơ bản, lý thuyết đánh giá được sử dụng phổ biến trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là trong nghiên cứu ngôn ngữ học hệ thống - chức năng và nghiên cứu báo chí truyền thông. Lý thuyết này chỉ ra cách thức người nói sử dụng ngôn ngữ, đánh giá, thể hiện cảm xúc, thái độ, và cách họ tương tác với các đối tượng trong môi trường truyền thông. James Martin và Peter White đã phát triển lý thuyết trên từ cuối những năm 1990 đến 2005, từ việc phân tích cách các yếu tố ngữ nghĩa trong văn bản hoặc diễn ngôn được sử dụng để thể hiện những phản ứng cảm xúc hoặc thái độ của người nói đối với các sự kiện, tình huống, hoặc đối tượng. Cách tiếp cận của lý thuyết đánh giá gồm hai nhánh: tiếp cận cấu trúc và tiếp cận mô hình. Bài viết này sử dụng nhánh tiếp cận thứ hai³ được xếp theo mô hình ba trục chính: (i) *Thái độ (Attitude)*, (ii) *Thang độ (Graduation)* và (iii) *Tham gia (Engagement)*.

Thái độ được hiểu là tình cảm hoặc nhận xét của người nói/ viết về một người, sự vật hoặc hiện tượng theo các quan điểm tích cực/ tiêu cực. *Thái độ* bao gồm ba dạng thức khác nhau, bao gồm: tình cảm (affect), phán xét (judgment) và đánh giá cảm quan (appreciation). Martin và White nhận định thái độ của chủ thể diễn ngôn sẽ không giống nhau về mức độ, dù có diễn tả giống nhau về cùng một ý nghĩa. Để đánh giá về mức độ của thái độ trong diễn ngôn, cần dùng tới thang độ. *Thang độ* là thành phần mô tả mức độ của thái độ được hiện thực hóa trong diễn ngôn. Thái độ của chủ thể diễn ngôn (người nói, viết) được phân thành các tầng bậc theo hai kiểu: Lực (Force) hoặc Tiêu điểm (Focus). Thang

³ James Martin and Peter White, *The Language of Evaluation: Appraisal in English* (New York: Palgrave - Macmillan, 2005).

độ sẽ phân loại diễn ngôn thành hai cấp độ: (i) Điều chỉnh lực của lời nói theo hướng tăng hoặc giảm; (ii) Điều chỉnh tiêu điểm, có thể làm cho sắc bén lên (sharpening) để thể hiện thái độ không hài lòng, lên án hoặc nói lỏng ngôn từ để mềm dẻo đi (softening) nhằm lôi kéo sự ủng hộ của người nghe hoặc người đọc về phía mình. *Tham gia* liên quan đến việc xác định nguồn của các thái độ và cách thể hiện quan điểm trong các diễn ngôn. Nếu sự đánh giá chỉ đến từ chủ thể diễn ngôn thì được gọi là Đơn nguồn (Monogloss). Ngược lại, nếu chủ thể diễn ngôn “mở cửa” để những chủ thể khác tham gia vào diễn ngôn thì được gọi là Đa nguồn (Heterogloss). Đây là lý thuyết đánh giá quen thuộc khi nghiên cứu diễn ngôn trong ngành truyền thông và ngôn ngữ.

Dựa trên việc vận dụng lý thuyết trên, nội dung phân tích thông điệp các bài trả lời phỏng vấn Hồ Chí Minh sẽ chỉ rõ diễn ngôn xuyên suốt trong các bài trả lời, khái quát hóa phong cách trả lời báo chí quốc tế của Hồ Chí Minh, từ đó rút ra các bài học tham khảo cho người làm công tác báo chí đối ngoại.

Phân tích thông điệp của Hồ Chí Minh trong trả lời báo chí quốc tế

Thông điệp về độc lập, tự lực, tự cường và thống nhất đất nước

Đây là thông điệp mạnh mẽ và chủ đạo được Hồ Chí Minh nêu lên ở hầu hết các bài trả lời báo chí. Trong số 130 bài trả lời báo chí, Hồ Chí Minh đã nhắc đến từ *độc lập* 258 lần và từ *hòa bình* 221 lần, phản ánh quyết tâm giành chủ quyền dân tộc và khẳng định khát vọng xây dựng một quốc gia hòa bình bền vững. Từ *thống nhất* được đề cập 187 lần, với một số trường hợp nhấn mạnh *thống nhất thực sự*, để thể hiện mong muốn thiết lập một sự thống nhất toàn diện về lãnh thổ, chính trị và xã hội cho Việt Nam.

Qua báo chí, Hồ Chí Minh không chỉ tập trung vào công cuộc đấu tranh giành độc lập mà Bác còn định hướng xây dựng một quốc gia tự chủ, khẳng định tầm quan trọng của sự thống nhất trong lòng dân tộc và sự tự tin trên trường quốc tế. Các từ khóa như “thắng lợi” (125 lần), “giải phóng” (114 lần) và “tự do” (82 lần) để thông báo với quốc tế niềm tin mãnh liệt vào một chiến thắng. Đặc biệt, các cụm từ như “*bao giờ cũng trông ở sức mình*” và “*không nước nào có thể thống trị được chúng tôi*” một lần nữa thể hiện rõ tinh thần tự lực, tự cường, khẳng định rằng thành công của Việt Nam phải dựa trên chính sức mạnh nội tại của dân tộc.

Trong khi trả lời phỏng vấn, Hồ Chí Minh thể hiện thái độ quan điểm rõ ràng và không né tránh mọi câu hỏi của phóng viên nước ngoài. Hai nhà nghiên cứu về truyền thông và ngôn ngữ Martin và White đã kết luận rằng các chủ thể diễn ngôn sẽ thể hiện cảm xúc, tình cảm của bản thân mình thông qua các ngôn từ được sử dụng. Tiếp đó, họ sẽ đưa ra các đánh giá về người khác hoặc hành vi của người khác và cuối cùng là các đánh giá về sự vật và hiện tượng, tình cảm của con người thể hiện theo hai chiều hướng: tích cực hoặc tiêu cực, thông qua phương thức diễn đạt trực tiếp hoặc gián tiếp. Đặc biệt, các ẩn dụ cũng là một phương thức diễn đạt tình cảm trong diễn ngôn. Phân tích thành phần *Thái độ* trong các diễn ngôn báo chí của Hồ Chí Minh thể hiện ở các sắc thái tình cảm và cảm xúc khi tiếp xúc với báo giới quốc tế, cũng như những nhận xét về các vấn đề mà các nhà báo đặt ra.

Ở chủ đề độc lập và thống nhất đất nước, Hồ Chí Minh đã sử dụng cách trả lời ngắn gọn để khái quát lên quan điểm không gì lay chuyển được về ý chí cũng như quyết tâm độc lập và thống nhất đất nước. Chẳng hạn như ở Điện phỏng vấn của nhà báo Walter Briggs, phóng viên các báo New Republic, Christian Monitor và Chicago Tribune, từ ngữ “độc lập” và “thống nhất thật sự” được sử dụng thể hiện thái độ mạnh mẽ quyết tâm đạt đến mục tiêu chủ quyền và thống nhất

của Việt Nam. Bằng cách khẳng định “độc lập và thống nhất thật sự cho Việt Nam”, Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh mục tiêu cao cả của quốc gia, mà còn đưa ra một lời kêu gọi sự can thiệp từ Liên hợp quốc (LHQ), nhằm hỗ trợ cho quyết tâm của Việt Nam trong việc đạt được mục tiêu này.

“*Hỏi*: Với điều kiện gì thì Cụ nhận Liên hợp quốc can thiệp vào việc Việt Nam?

Trả lời: Độc lập và thống nhất thật sự cho Việt Nam”.⁴

Bên cạnh *thái độ* của chủ thể diễn ngôn, Martin & White còn đề cập tới trục *Thang độ*, tức mô tả mức độ của thái độ. Mức độ này được chia theo hai kiểu chính: điều chỉnh lực (tăng hoặc giảm) và điều chỉnh tiêu điểm (làm sắc bén hoặc nói lỏng) để thể hiện quan điểm hoặc lôi kéo sự ủng hộ. Việc tập trung vào “độc lập” và “thống nhất thật sự” là tiêu điểm rõ ràng trong câu trả lời của Hồ Chí Minh, thể hiện sự chủ động và quyết đoán của Việt Nam trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Bằng cách này, Bác không chỉ giữ được sự mạnh mẽ và mục tiêu rõ ràng trong diễn đạt, mà còn đề cao vai trò của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là LHQ, trong việc thúc đẩy hòa bình và sự công bằng quốc tế. Thông qua báo chí, Hồ Chí Minh luôn làm nổi bật khát vọng và niềm tin của Việt Nam vào tương lai tự do và tự chủ của mình, đồng thời khẳng định lại sự lựa chọn rõ ràng và không thể thay đổi trước bất kỳ sự can thiệp nào từ bên ngoài.

Việc sử dụng các câu trả lời ngắn gọn cũng thể hiện *thang độ* dứt khoát, không do dự, nao núng để đạt được mục tiêu. Ví dụ, khi phóng viên báo Franc Tireur (Pháp) hỏi dồn, Hồ Chí Minh bình tĩnh đáp lại (câu hỏi đầu phóng viên hỏi 6 ý, Hồ Chí Minh gói gọn trong 4 câu ngắn).

⁴ *Nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Hồ Chí Minh* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020), 129.

Câu hỏi thứ hai, Hồ Chí Minh cũng có cách chốt ý với một câu ngắn và hàm ý đầy đủ sự quyết liệt về mục tiêu cao nhất của đất nước là *độc lập và thống nhất*:

“Hỏi: Cụ đã tuyên bố sửa soạn tổng phản công. Vậy thắng lợi của Việt Nam đã gần đạt chưa? Và đến mức nào? Cụ có trông đợi ở sự giúp đỡ của quân đội Mao Trạch Đông không? Nếu có sự giúp đỡ đó, Cụ có sợ Trung Hoa và Liên Xô sẽ thống trị Việt Nam không?”

Trả lời: Thắng lợi của Việt Nam sẽ là độc lập và thống nhất thực sự. Chúng tôi bao giờ cũng trông ở sức mình. Chúng tôi không sợ ai cả. Không nước nào có thể thống trị được chúng tôi.

Hỏi: Ý kiến của Cụ về vai trò hiện tại và sau này của Mỹ trong các việc Trung Hoa và Việt Nam?

Trả lời: Tôi cho rằng họ rất am hiểu về vấn đề này.”⁵

Các từ ngữ như *“độc lập”*, *“thống nhất thực sự”*, *“bao giờ cũng trông ở sức mình”*, *“không sợ ai cả”*, và *“không nước nào có thể thống trị được chúng tôi”* trong câu trả lời của Hồ Chí Minh trên báo Franc Tireur phản ánh một thái độ mạnh mẽ. Những từ này không chỉ nhấn mạnh quyết tâm và sự kiên định của Việt Nam đối với mục tiêu *“độc lập”* và *“thống nhất thực sự”*, mà còn thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh nội sinh của quốc gia. Lựa chọn từ *“không sợ ai cả”* và tuyên bố *“không nước nào có thể thống trị được chúng tôi”* là một cách để khẳng định sự chủ động và tự lực của Việt Nam trong việc định hình tương lai của mình, không phụ thuộc vào sự can thiệp từ các nước khác. Đặt trong bối cảnh lịch sử của thời gian kháng chiến chống Mỹ, những thông điệp mà Hồ Chí Minh gửi tới dư luận và chính phủ các nước là rất kịp thời và quan trọng.

⁵ Như trên, 145.

Hồ Chí Minh trả lời điện phỏng vấn của phóng viên Walter Briggs (1949): “Tôi luôn luôn là một người yêu nước, tranh đấu cho độc lập và thống nhất thật sự của Tổ quốc tôi.”⁶ Khi được báo Franc Tireur hỏi (năm 1949) về lý tưởng riêng của mình, Hồ Chí Minh đã khẳng khái trả lời: “Lý tưởng chung của tôi và nhân dân Việt Nam là nước nhà độc lập thống nhất thật sự”.⁷ Câu trả lời khái quát, hàm ý triết lý sâu sắc, cho thấy thế giới quan, nhân sinh quan của Hồ Chí Minh về lý tưởng và giá trị mà Người theo đuổi cũng như mục tiêu đạt được: Không phân định mục tiêu riêng (cá nhân) hay mục tiêu chung về cho đất nước, mà chung và riêng là cái duy nhất “Tổ quốc là duy nhất”. Như vậy, trong các thông điệp mà Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh, tập trung tiêu điểm đề công bố tới cộng đồng quốc tế đó là độc lập và thống nhất, là lợi ích quốc gia dân tộc của Việt Nam, thông qua việc sử dụng ngôn từ cô đọng, khúc chiết, sâu sắc, nhưng không hề khó hiểu với đại đa số quần chúng nhân dân.

Thông điệp về tính nhân văn, đoàn kết và tinh thần quốc tế

Đối với báo chí quốc tế, Hồ Chí Minh luôn thể hiện tính nhân văn và tinh thần quốc tế. Hồ Chí Minh uyển chuyển truyền đạt tới công luận đầy đủ nhất ý định của mình, cũng như không từ chối bất cứ câu hỏi nào của nhà báo, ngay cả khi đó là những câu hỏi rắc rối nhất. Hồ Chí Minh nhiều lần sử dụng từ “biết ơn” để thuyết phục và tạo ra sự đồng cảm người nghe. Một ví dụ cụ thể khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn báo France Soir (ngày 28/2/1949):

“Chúng tôi rất biết ơn sự chú ý của báo France Soir đối với tình hình ở Việt Nam. Đây là một giai đoạn quan trọng, và chúng tôi đánh giá cao vai trò của báo chí trong việc chia sẻ thông tin với thế giới về cuộc

⁶ Như trên, 129.

⁷ Như trên, 145.

kháng chiến và khát vọng độc lập của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng rằng cộng đồng quốc tế sẽ hiểu rõ hơn về tình hình ở Việt Nam”.⁸

Khi trả lời câu hỏi của các nhà báo qua thư, Hồ Chí Minh đều mở đầu và kết thúc bằng những lời chào thân mật. Từng ngôn từ của Bác đều giản dị mà chân thật, nhẹ nhàng thu phục trái tim người đọc. Trong một lần trả lời phỏng vấn nhà báo Nhật Bản Sira Isi Bôn nhân dịp Quốc Khánh 2/9/1959, Hồ Chí Minh dùng từ “thân ái” để thể hiện tình cảm tích cực, lòng mến thương và sự quan tâm chân thành đối với nhân dân Nhật Bản và bạn đọc của báo. Hồ Chí Minh không sử dụng phép ẩn dụ hay cách nói bóng gió mà thể hiện rõ ràng và trực tiếp tình cảm của mình như một minh chứng làm tăng sự chân thành và mối quan hệ gắn kết với người nhận lời hỏi thăm: *“Tôi nhờ chuyển lời thân ái hỏi thăm nhân dân Nhật Bản và các bạn đọc báo của ông.”*⁹

Trên chiến hạm Duymông Đuyécvin ngày 22/9/1946, Hồ Chí Minh đã dùng cụm từ “vô cùng xúc động” để phúc đáp lá thư của Bà Sốtxi trong Hội Liên hiệp Phụ nữ Pháp, thể hiện niềm cảm kích ở mức cao nhất đối với nội dung và tấm lòng người gửi thư. Người đọc không thể phủ nhận một hồi đáp chân thành và cảm xúc đặc biệt mà Hồ Chí Minh dành cho người gửi thư. Kết thư, Bác cũng không quên gửi gắm hy vọng về một lý tưởng hòa hợp và đoàn kết giữa các quốc gia và dân tộc bằng lời khẩn thiết nhất *“Tôi thành thực mong muốn”*:

*“Tôi xin cảm ơn bà về bức thư của bà, bức thư đã làm cho tôi vô cùng xúc động... Tôi thành thực mong muốn thanh niên Pháp và thanh niên Việt Nam hiểu biết lẫn nhau và yêu mến nhau như anh em”.*¹⁰

⁸ Như trên, 125.

⁹ Như trên, 259.

¹⁰ Như trên, 45.

Với nhân dân thế giới, đặc biệt các quốc gia còn đang chịu cảnh nô lệ, Hồ Chí Minh thể hiện sự chia sẻ, thấu hiểu. Hồ Chí Minh trả lời phóng viên báo Nhân đạo Pháp: “*tôi muốn Tổ quốc tôi được giải phóng, các dân tộc thuộc địa được giải phóng*”. Hay “*sự đoàn kết của các dân tộc thuộc địa là điều mà tôi quan tâm hơn hết*.”¹¹ Ngay cả khi nói về những điều to lớn đó, Hồ Chí Minh luôn trả lời báo chí mạch lạc, như kể chuyện tâm tình với một người bạn, không thấy Bác lên giọng.

Tính nhân văn còn thể hiện ở triết lý giản dị về cuộc sống. Như trong đối thoại trên báo *Freres D'Armes*, Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm của mình qua các câu trả lời như sau:

“*Hỏi: Thưa Chủ tịch, Chủ tịch ghét gì nhất?*”

Trả lời: Điều ác.

“*Hỏi: Thưa Chủ tịch, Chủ tịch yêu gì nhất?*”

Trả lời: Điều thiện”.¹²

Với cách biểu đạt “cực ngắn” này, Hồ Chí Minh nêu rõ triết lý về sự yêu - ghét, là sự đối lập giữa *thiện* và *ác*. Với sự rõ ràng và dứt khoát, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các giá trị cơ bản mà mình theo đuổi, phản ánh tinh thần nhân văn sâu sắc và triết lý sống giản dị nhưng cao cả. Với cách trả lời ngắn gọn, Bác sử dụng ngôn từ để diễn đạt trực tiếp quan điểm mà không cần dùng tới bất kỳ sự khuếch trương nào. Tiêu điểm trong câu trả lời trên được *siết chặt* để đạt được mục đích cao nhất là đóng khung thông điệp của mình đối với người tiếp nhận thông tin.

Thông điệp về bạn - thù, địch - ta

Phán xét cũng là một dạng thức của thang *Thái độ* được sử dụng để đánh giá người khác hoặc hành vi của người khác. Theo Martin và

¹¹ Như trên, 422.

¹² Như trên, 116.

White, khi đánh giá người khác, phán xét có thể hiện thực hóa theo hai chiều hướng: tích cực hoặc tiêu cực. Phán xét tích cực hay tiêu cực có thể được phân thành hai loại: (1) Phán xét dựa trên quy chuẩn xã hội gồm khen ngợi (admiration) và phê bình (criticism); (2) Phán xét dựa trên quy tắc cộng đồng gồm ủng hộ (praise) và lên án (condemnation).¹³ Trong mỗi câu trả lời, Hồ Chí Minh luôn phân định rõ bạn - thù, cách trả lời phòng vắn của Bác luôn toát lên tinh thần nhân văn nhưng rất cứng rắn khi cần thiết. Với bạn bè và nhân dân thế giới, trong ngôn ngữ trả lời báo chí, Hồ Chí Minh sử dụng ngôn ngữ dịu dàng và thái độ thân thiết. Hồ Chí Minh dùng từ “anh em” để chỉ nhân dân và chính phủ các nước ủng hộ Việt Nam. Trong các bài phỏng vấn, Hồ Chí Minh đã có hơn 220 lần nhắc tới từ “*anh em*”, nhiều hơn từ bạn bè (chỉ có 5 lần dùng từ này). Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh coi trọng tình đồng chí và tình đoàn kết quốc tế đúng như câu nói “quan sơn muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em”.

Nhưng với phía bên kia, Hồ Chí Minh trả lời với một thái độ đanh thép và sự quyết đoán. Chẳng hạn như khi ông William Warbey Nghị sĩ Công Đảng Anh hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 11/01/1965, Bác không ngần ngại chỉ trích những câu nói này chỉ là cách kiếm cớ không có cơ sở và vô lý, khẳng định sự phản đối của mình trước các phát biểu không chính thống từ phía Mỹ. Các từ “*kiếm cớ, vô lý, không lừa được ai*” đã nêu lên đầy đủ thái độ của Hồ Chí Minh đối với các hành vi can thiệp và ném bom miền Bắc của đế quốc Mỹ thời điểm đó. Xem lại trích đoạn bài phỏng vấn:

“*Hỏi: Trong cuộc trả lời phỏng vấn ở vô tuyến truyền hình ngày 6 tháng 1, Ngoại trưởng Đin Raxơ nói rằng Chính phủ Mỹ sẽ có thể tán thành một giải pháp chính trị Việt Nam và rút quân của họ nếu họ có thể*

¹³ James Martin and Peter White, *The Language of Evaluation: Appraisal in English* (NY: Palgrave – MacMillan, 2005).

chắc chắn rằng Bắc Kinh và Hà Nội sẽ “để mặc cho những nước láng giềng của họ.” Là Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Cụ sẽ sẵn sàng có những đảm bảo gì để khiến cho việc Mỹ rút lui được dễ dàng?

Trả lời: Cũng như câu nói của Tổng thống Giôn-xơn, câu nói của ông Đin Raxơ cũng chỉ là một cách kiểm cớ, vô lý và không lừa dối được ai”.¹⁴

Ở đoạn này, người hỏi cố tình hỏi dài qua một trích dẫn để gián tiếp nêu quan điểm của người hỏi. Người trả lời biết rõ điều đó, nên cũng đáp lại bằng một viện dẫn khác, ngắn hơn, nhưng đủ tính đáp lại, khi nhấn mạnh “đó là một sự kiểm cớ, vô lý và không lừa dối được ai”. Ý nghĩa phản đối thật trọn vẹn, người đọc đủ hiểu hàm ý của người trả lời “không lừa được ai”, hàm ý “ông là phóng viên, ông cũng biết điều đó, hà cớ gì ông còn hỏi, hẳn ông cũng chỉ kiểm cớ, không hơn!”

Trả lời phỏng vấn của nhà báo A. Steele, phóng viên báo *New York Herald Tribune* năm 1949, Bác chỉ trích sự hiểu lầm lớn của Mỹ về Việt Minh và quan niệm sai lầm về mọi phong trào giải phóng dân tộc là cộng sản. Những quan điểm này không chính xác và gây ra những hiểu lầm không đáng có. “*Sự hiểu lầm lớn*” được sử dụng một cách mạnh mẽ, đại diện cho thái độ phản đối của Hồ Chí Minh về sự hiểu lầm nghiêm trọng từ phía Mỹ về tình hình ở Việt Nam. Từ “*lớn*” ở đây nhấn mạnh rằng sự hiểu lầm này không phải là nhỏ nhặt mà là đáng kể và ảnh hưởng sâu rộng. Bác cũng chỉ trích mạnh mẽ các hành động và quan điểm không chính thống từ phía Pháp, nhấn mạnh rằng những tiếp cận này không đem lại lợi ích tốt đẹp cho quan hệ giữa các quốc gia. Dựa trên quy

¹⁴ *Nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Hồ Chí Minh* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2020), 347.

chuẩn xã hội, cụm “*giả dối*” đã vạch trần thông tin sai lệch và không trung thực về tình hình ở Việt Nam. Xem trích dẫn:

“Hỏi: Ở Mỹ hiện có sự hiểu lầm lớn về những điểm căn bản trong vấn đề Việt Nam. Xin Cụ vui lòng cho biết một lần nữa những yếu tố cần thiết để giải quyết cuộc xung đột giữa Việt Minh và Pháp?

Trả lời: Có sự hiểu lầm ở Mỹ là vì:

Người ta lẫn lộn Việt Minh, một tổ chức yêu nước của dân tộc với Việt Nam là một quốc gia. Sự tuyên truyền giả dối của Pháp, và quan niệm sai lầm cho mọi phong trào giải phóng dân tộc và mọi sự cải cách xã hội đều là cộng sản.

Tiếc rằng trong những câu nói của ông cũng có vài sai lầm như trên. Cách giải quyết rất giản dị: Pháp phải chính thức và thành thật thừa nhận Việt Nam độc lập và thống nhất thật sự.”¹⁵

Để tạo nên hệ thống *Thái độ* trong diễn ngôn, cần có một thành phần quan trọng khác là đánh giá cảm quan. Đây là cách mà người nói hoặc các nhân vật trong diễn ngôn đánh giá về “sự vật”. “Sự vật” ở đây có thể hiểu theo nghĩa rộng hơn, bao gồm cả những thứ hữu hình, vô hình hay các hiện tượng. Hồ Chí Minh sử dụng từ “*thực dân*” để chỉ rõ bản chất xâm lược và áp bức của chế độ thực dân. Đây là một cách diễn đạt trực tiếp, làm nổi bật sự khinh miệt và phê phán của Bác đối với kẻ thù xâm lược. Bác cũng không vòng vo mà nhấn mạnh hành động bất hợp pháp và phi nhân đạo của thực dân Pháp bằng cụm “*cuộc chiến tranh xâm lược*”.

Trả lời phỏng vấn tạp chí Thanh Niên (Ca-na-đa), Hồ Chí Minh đã sử dụng các từ ngữ thể hiện rõ ràng đánh giá cảm quan của mình. Các từ ngữ này thể hiện các cảm xúc mạnh mẽ, chân thành và rõ ràng, từ sự

¹⁵ Như trên, 161.

ghét bỏ đối với thực dân và vua quan bù nhìn đến tình thương yêu và khát vọng giải phóng cho đồng bào. Cụm từ “*rất ghét*” thể hiện cảm xúc tiêu cực mạnh mẽ đối với thực dân Pháp và vua quan bù nhìn. Cảm xúc này được diễn đạt trực tiếp, cho thấy sự khinh bỉ và phản đối quyết liệt của Bác đối với sự thống trị tàn bạo và sự phản bội đối với dân tộc của các thế lực này. Bác cũng dùng từ “*thương*” tới hai lần, lần thứ hai nhấn mạnh hơn “*Chỉ biết thương*” với mong muốn bảo vệ, giúp đỡ đồng bào mình. Xem:

“*Hỏi: Mong đồng chí nói cho biết tình hình thanh niên Đông Dương trước đây và lý do vì sao đồng chí đã hiến cả đời mình cho hoạt động cách mạng?*”

Trả lời: ... Tôi hoạt động cách mạng vì tôi rất ghét thực dân Pháp và lũ vua quan bù nhìn hại dân, phản nước. Vì tôi rất thương đồng bào tôi, muốn đồng bào tôi được giải phóng.

Hỏi: Khi đồng chí còn là một thanh niên, đồng chí là người theo chủ nghĩa dân tộc. Lý do gì đã làm cho đồng chí chuyển hướng tư tưởng và trở thành một người theo chủ nghĩa Mác?

Trả lời: Nói rằng lúc còn thanh niên, tôi theo “chủ nghĩa dân tộc”, có lẽ không đúng. Vì hồi đó tôi chỉ biết thương đồng bào tôi, chứ chưa biết “chủ nghĩa” gì cả.”¹⁶

Trong phân tích diễn ngôn, Martin & White cũng nhận định sự đánh giá trong một diễn ngôn có thể tới từ chính chủ thể nói (đơn nguồn) hoặc đến từ các chủ thể khác (đa nguồn). Có ba phương thức nhận định đa nguồn trong diễn ngôn, gồm: phóng chiếu, tình thái và nhượng bộ. Phóng chiếu là trích dẫn hoặc tường thuật lời nói hay suy nghĩ dưới dạng trực tiếp hoặc gián tiếp. Tình thái và nhượng bộ tạo ra không gian trong

¹⁶ Như trên, 161.

diễn ngôn cho các tiếng nói khác tham gia, với tình thái là khoảng không giữa hai cực “có” và “không”, còn nhượng bộ là sự phản kỳ vọng điều chinh mong đợi. Trong các cuộc phỏng vấn của Hồ Chí Minh với báo chí quốc tế, sự tham gia này thường được thể hiện rõ nét.

Trong một lần đáp lại những câu hỏi châm biếm và moi móc của nhà báo nước ngoài, Bác đã khéo léo sử dụng tuyến dị ngữ để phản bác những lời chỉ trích không chính xác và nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ tốt đẹp giữa chính phủ Việt Nam và Pháp. Bằng cách thừa nhận tầm ảnh hưởng mạnh mẽ của báo chí, Bác khẳng định sự tôn trọng đối với quyền tự do báo chí và dân chủ ở cả hai nước. Cụ thể, Hồ Chí Minh nói:

“Một tờ báo có ảnh hưởng trong dân chúng rất mạnh... Cổ nhiên, chúng ta tôn trọng tự do của báo chí, nhất là hai nước tôn trọng dân chủ như nước Pháp và nước Việt Nam...”¹⁷

Tuy nhiên, Bác cũng thể hiện sự chê trách, khi chỉ ra rằng không phải lúc nào báo chí hai bên cũng gửi đến nhau những lời lẽ thân thiện. Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

“Không phải chúng tôi có cái không tưởng rằng: báo chí hai bên sẽ luôn luôn gửi thư yêu thương cho nhau... nhưng cùng việc ấy mà lại thêm dặt thêm lên, dùng những lời vô phép, thô bỉ thì bên kia thấy vậy chưa biết phải trái ra sao hầy bất bình, đã và không ngần ngại gì mà không đối phó lại cùng một cách”.¹⁸

Hồ Chí Minh sử dụng phương pháp phóng chiếu khi nhắc đến việc “*chúng ta tôn trọng tự do của báo chí*”. Đây là một sự công nhận rõ ràng và trực tiếp về giá trị của tự do báo chí, không chỉ từ phía Việt Nam mà còn từ phía Pháp. Câu nói này cũng phản ánh quan điểm của Hồ Chí

¹⁷ Như trên, 52.

¹⁸ Như trên, 53.

Minh về việc cả hai quốc gia, với những nền dân chủ khác nhau, đều chia sẻ một sự tôn trọng chung đối với tự do báo chí. Bác cũng sử dụng một hình thức nhượng bộ để mở ra một không gian đối thoại về sự mâu thuẫn và xung đột có thể xảy ra giữa báo chí hai nước: “*Không phải chúng tôi có cái không tưởng rằng: báo chí hai bên sẽ luôn luôn gửi thư yêu thương cho nhau...*”. Đây là một cách để nhấn mạnh rằng mặc dù có sự tôn trọng tự do báo chí, nhưng vẫn cần có sự hiểu biết và kiểm soát nhất định để tránh những hành động không đúng đắn. Không chỉ vậy, phân tích từng câu từ của Hồ Chí Minh, người đọc còn nhận ra các tình thái từ “sẽ”, “hãy” và “đã”, mở ra một khoảng không để các chủ thể khác, bao gồm cả báo chí và độc giả, tham gia vào diễn ngôn. Sự tham gia của các yếu tố này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì sự tôn trọng lẫn nhau và tránh các hành vi xúc phạm để không làm gia tăng thêm mâu thuẫn.

Bằng cách này, Bác ám chỉ rằng *sự thô bỉ và vô phép* trong báo chí là không chấp nhận được, đồng thời tránh làm mất lòng các nhà báo. Hồ Chí Minh cũng cảnh báo hành động thiếu văn hóa từ một bên sẽ dẫn đến phản ứng tương tự từ bên kia, gây ra một vòng luẩn quẩn của sự không hiểu nhau và đối đầu. Điều này cho thấy sự khôn khéo và uy tín trong việc xử lý các vấn đề quốc tế của Hồ Chí Minh. Việc sử dụng tuyến đa nguồn của Bác đã tạo ra một ấn tượng tích cực, giúp xây dựng và duy trì một môi trường truyền thông lành mạnh, đồng thời góp phần củng cố mối quan hệ giữa các quốc gia. Một thông điệp rất rõ ràng về bạn - thù, địch - ta, một cách phân định để ứng xử phù hợp.

Trả lời phỏng vấn của các nhà báo In-đô-nê-xi-a năm 1959, Hồ Chí Minh cũng tận dụng nhiều từ ngữ tình thái để đáp lại những câu hỏi có phần “thách thức” của các nhà báo. Bác sử dụng tình thái trong câu “Họ đến châu Á để làm gì? Thế là các bạn đã tự trả lời câu hỏi của mình rồi”. Sử dụng câu hỏi tu từ và cách diễn đạt này tạo ra khoảng không để các

nhà báo và độc giả tự suy nghĩ và đánh giá về sự can thiệp của các nước đế quốc vào khu vực Đông Nam Á. Điều này không chỉ nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh, mà còn mở ra cơ hội cho các quan điểm và ý kiến khác nhau tham gia vào diễn ngôn:

“Hỏi: Xin Chủ tịch cho biết ý kiến của Chủ tịch về tình hình chính trị ở In-đô-nê-xi-a?”

Trả lời: Tôi đến đây mới ba ngày. Làm thế nào tôi có thể có ý kiến về tình hình ở đây được?

Hỏi: Xin Chủ tịch cho biết ý kiến về khối Đông Nam Á?

Trả lời: Khối Đông Nam Á ư? Đó là một điều xấu. Đó là một tổ chức đế quốc. Các bạn hãy kể cho tôi biết những nước hội viên chính của khối này xem nào? Có phải là Mỹ, Anh, Pháp không? Hãy thành thật mà xem xét ba nước đó. Các nước này có giúp đỡ những nước như In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, v.v. không? Họ có phải là đế quốc hay không? Họ không có liên quan gì đến vùng Đông Nam Á cả. Các bạn có thể lo việc của In-đô-nê-xi-a. Chúng tôi có thể lo việc của Việt Nam. Họ đến châu Á để làm gì? Thế là các bạn đã tự trả lời câu hỏi của mình rồi.”¹⁹

Hồ Chí Minh đã thể hiện một chiến lược giao tiếp tinh tế và khéo léo khi tiếp xúc báo chí quốc tế. Bác không chỉ thể hiện rõ ràng quan điểm của mình, mà còn mở ra không gian cho sự tham gia của các chủ thể khác. Điều này không chỉ giúp tăng cường tính thuyết phục của diễn ngôn mà còn thúc đẩy sự đối thoại và hiểu biết giữa các bên liên quan, tạo ra một diễn ngôn đa chiều và toàn diện.

Tóm lại, diễn ngôn báo chí không chỉ là công cụ để bày tỏ cảm xúc và tình cảm, mà còn là nghệ thuật mạnh mẽ để truyền tải những thông điệp chính trị và lý tưởng cao cả. Hồ Chí Minh đã luôn thể hiện một cách

¹⁹ Như trên, 244.

rõ ràng và uyển chuyển các cảm xúc và tình cảm của mình, bao gồm cả những đánh giá về con người, sự vật và hiện tượng. Các phương thức diễn đạt trực tiếp và gián tiếp được Hồ Chí Minh tận dụng để bày tỏ tình cảm cả tích cực lẫn tiêu cực. Phong cách diễn ngôn của Hồ Chí Minh luôn toát lên tinh thần nhân văn và quốc tế, nhưng cũng không thiếu sự cứng rắn khi cần thiết. Qua từng lời nói, Bác không ngần ngại bày tỏ lòng biết ơn và trân trọng đối với sự quan tâm của báo giới quốc tế về tình hình Việt Nam, đồng thời khéo léo thể hiện niềm tin và hy vọng vào tương lai của dân tộc. Sự chân thành và thân thiện trong cách trả lời phỏng vấn, cùng với trí tuệ uyên bác và sức cảm hóa mạnh mẽ, đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng các nhà báo quốc tế. Phân tích diễn ngôn cho thấy không chỉ tư tưởng, mà còn là phong cách và nghệ thuật trả lời phỏng vấn báo chí của Hồ Chí Minh để tạo ra và duy trì hình ảnh tích cực về Việt Nam trong tâm trí cộng đồng quốc tế.

Bài học tham khảo cho người làm công tác báo chí đối ngoại hiện nay

Báo chí đối ngoại có vai trò rất quan trọng trong việc thông tin và quảng bá hình ảnh quốc gia. Ngày nay, tham gia vào các hoạt động báo chí đối ngoại không chỉ có các cơ quan báo chí, mà còn mở rộng ra nhiều tổ chức, cá nhân. Người làm công tác báo chí đối ngoại bao gồm đội ngũ các nhà báo chuyên trách, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các nhà ngoại giao Việt Nam, những người làm quản lý báo chí hoặc trực tiếp tiếp xúc, trả lời, cung cấp thông tin cho báo chí quốc tế, nhà nghiên cứu, sinh viên, học sinh... Qua phân tích các bài trả lời phỏng vấn báo chí của Hồ Chí Minh, chúng ta học được nhiều bài học tham khảo trong tiếp xúc và thông tin với báo chí quốc tế vì người làm công tác báo chí “dù quan điểm, lập trường có chính nghĩa thì cũng khó có hiệu quả

cao”²⁰ nếu không được thông tin đầy đủ kịp thời để nhận được sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế.

Thứ nhất, người làm công tác báo chí đối ngoại phải luôn mở rộng sự học hỏi, hiểu trong nước và mở rộng ra thế giới. Học hỏi để hiểu biết xã hội, văn hóa và ngôn ngữ các quốc gia. Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn báo chí quốc tế không chỉ dùng ngôn ngữ của họ để nói với họ, mà Bác còn cắt nghĩa những câu trả lời bằng những điển tích văn hóa, ngụ ngôn, thơ ca, trong văn hóa, cho các nhà báo quốc tế. Ví dụ, khi trả lời phóng viên Hãng thông tấn Pháp AFP về việc chia cắt hai miền Nam - Bắc, Bác nhấn mạnh: “Nam kỳ cùng một tổ tiên với chúng tôi, tại sao Nam kỳ lại không muốn ở trong đất nước Việt Nam. Người Basques, người Breton không nói tiếng Pháp mà vẫn là người Pháp. Người Nam kỳ nói tiếng Việt, tại sao lại còn nghĩ đến sự can dự trở lại việc thống nhất đất nước Việt Nam?”.²¹ Lấy những ví dụ từ nước bạn để thuyết phục bạn, đó là nghệ thuật chỉ có thể thực hiện khi có một vốn tri thức đủ rộng và không ngừng bổ sung trau dồi.

Thứ hai, tiếp xúc đa dạng các tổ chức báo chí, trả lời các câu hỏi mà họ quan tâm, đúng lúc, kịp thời. Danh sách lời phỏng vấn báo chí của Hồ Chí Minh đa dạng và phổ rộng khắp năm châu, từ đủ các hãng tin lớn nhỏ. Trong số các cơ quan báo chí, có những hãng tin có thiện cảm với Việt Nam, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam, nhưng cũng có những tờ báo phương Tây có thái độ không thân thiện, thù địch, thậm chí thể hiện ngay trong những câu phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng dù là ai, Hồ Chí Minh đều tiếp và đáp ứng các yêu cầu của họ. Đặc biệt, trong khi trả lời, Hồ Chí Minh không đánh đồng mà luôn phân minh rạch ròi giữa nhân dân yêu chuộng hòa bình và các thế lực

²⁰ Vụ Báo chí Bộ Ngoại giao, *Hồ Chí Minh trả lời các nhà báo* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2015), 9.

²¹ *Nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Hồ Chí Minh*, 382.

phản động, hiếu chiến. Hồ Chí Minh vẫn luôn dành cho những người dân yêu chuộng hòa bình ở Mỹ, Ca-na-đa, Pháp, Nhật, Đức, Cu-ba... sự đồng cảm, mến thương và gửi tới họ lời khích lệ, động viên. Sự thân thiện, cởi mở của Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ qua từng câu từ trả lời phỏng vấn. Bác sử dụng ngôn ngữ thích hợp với đối tượng và luôn biết cách nhân lên thiện cảm trong họ. Theo cố Phó Thủ tướng Vũ Khoan, “điều này mách bảo cho chúng ta cách tiếp cận đa dạng hóa và tinh thần tấn công trên mặt trận dư luận vì chỉ có như vậy mới chuyển tải được những điều muốn nói, bác bỏ được những điều không có lợi, thuyết phục được người đọc ở nhiều chính kiến khác nhau.”²² Sự sắc sảo trong tư duy, nhưng cách nói, cách sử dụng ngôn ngữ thân thiện và giản dị, không làm người đối diện bị sốc.

Thứ ba, bài học về cách thức tạo thiện cảm trong tiếp xúc báo chí quốc tế, bởi đây chính là một phương thức hữu hiệu để quảng bá quốc gia ra quốc tế. Bài học sâu sắc mà Hồ Chí Minh đã để lại chính là qua cách Bác làm việc với báo chí quốc tế. Đất nước mới giành được độc lập, mọi phương tiện kỹ thuật còn vô cùng lạc hậu và thiếu thốn, Hồ Chí Minh đã sử dụng kênh báo chí quốc tế để thông tin rộng rãi tới dư luận quốc tế, tạo sự ủng hộ cho cách mạng Việt Nam, tuyên bố với thế giới những giá trị cốt lõi về độc lập, tự do, bình đẳng, bác ái, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, Việt Nam có đầy đủ các phương tiện truyền thông tiên tiến, việc tiếp xúc báo chí quốc tế, tạo một mạng lưới các nhà báo quốc tế quan tâm tới Việt Nam thuận tiện hơn, nên càng cần phải phát huy bài học tận dụng truyền thông quốc tế để thông tin khi cần.

²² Vụ Báo chí Bộ Ngoại giao, *Hồ Chí Minh trả lời các nhà báo*, 9.

Kết luận

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã để lại cho nền báo chí cách mạng Việt Nam nói chung và báo chí đối ngoại Việt Nam nói riêng những bài học quý báu. Bác coi báo chí là phương thức truyền thông đối ngoại chủ lực và chủ động tận dụng tối đa hiệu quả mà phương thức truyền thông này mang lại. Trong vai trò là nhà báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh là “người kể chuyện” Việt Nam vĩ đại của lịch sử thế kỷ XX. Trước năm 1945, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khởi xướng trên diễn đàn quốc tế diễn ngôn về một dân tộc mà trước đó không có tên trên bản đồ quốc tế (Pháp gọi chung là khu vực Đông Dương), để rồi từ đó câu chuyện về số phận các dân tộc thuộc địa, trong đó có Việt Nam mới được đưa ra trên các diễn đàn quốc tế. Là người kể chuyện, Hồ Chí Minh đặt câu chuyện “Độc lập - thống nhất - tự do” cho Việt Nam và các nước thuộc địa trong tâm điểm chú ý thời đại khi một nửa thế giới ở châu Á và châu Phi đang chịu sự kìm kẹp của các nước đế quốc, góp phần tạo nguồn cảm hứng cho hàng loạt quốc gia đứng lên đòi quyền độc lập cho dân tộc của mình. Những bài học từ thực tiễn và cuộc đời hoạt động báo chí đối ngoại của Hồ Chí Minh vẫn luôn có ý nghĩa thời đại với thế hệ hôm nay và mai sau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đặng Thị Thu Hương. “Lời Bác Hồ truyền dạy cho người làm báo.” *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 21/6/2021.
<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/chuyen-mon-cong-tac/loi-bac-ho-truyen-day-cho-nguoi-lam-bao-20939.html>.
2. Lý Thị Hải Yến. “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người kể chuyện vĩ đại của lịch sử.” *Báo Thế giới và Việt Nam*, 21/6/2024.

<https://baoquocte.vn/chu-tich-ho-chi-minh-nguoi-ke-chuyen-vi-dai-cua-lich-su-275639.html>.

3. *Nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.
4. Thanh Sơn. “Thứ trưởng Đỗ Hùng Việt: Cần cách làm mới trong thông tin đối ngoại về quyền con người.” *Báo Quân đội nhân dân*, 19/2/2024. <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/tin-tuc/thu-truong-do-hung-viet-can-cach-lam-moi-trong-thong-tin-doi-ngoai-ve-quyen-con-nguoi-807816>.
5. Vụ Báo chí, Bộ Ngoại giao. *Hồ Chí Minh trả lời các nhà báo*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015.

Tiếng Anh

6. James Martin and Peter White. *The Language of Evaluation: Appraisal in English*. New York: Palgrave - Macmillan, 2005.